

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/06/2011**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Lưu Văn Lạc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Bùi Quang Bách	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings**

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được lập ngày 20 tháng 08 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 5 đến trang 28 kèm theo. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		470.913.668.417	519.144.274.093
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.272.418.455	57.441.647.617
1. Tiền	111		29.272.418.455	48.925.647.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	8.516.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		116.000.000	850.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	116.000.000	850.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.253.930.258	250.259.752.107
1. Phải thu khách hàng	131		166.791.960.792	221.360.965.887
2. Trả trước cho người bán	132		21.570.981.625	21.102.993.727
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	9.028.610.678	7.933.415.330
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(137.622.837)	(137.622.837)
IV. Hàng tồn kho	140		190.370.129.817	168.356.891.158
1. Hàng tồn kho	141	V.4	190.370.129.817	168.356.891.158
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.901.189.887	42.235.983.211
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.690.399.036	750.432.683
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.203.186.752	4.344.383.525
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	42.007.604.099	37.141.167.003
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		225.188.387.830	206.126.145.624
II. Tài sản cố định	220		90.692.506.031	109.095.233.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	41.303.600.024	41.034.770.438
- Nguyên giá	222		68.872.365.469	64.662.005.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.568.765.445)	(23.627.235.169)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	464.915.260	453.658.846
- Nguyên giá	228		539.337.085	518.537.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.421.825)	(64.878.239)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	48.923.990.747	67.606.804.592
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		85.110.918.530	39.552.605.929
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	84.410.918.530	30.622.042.096
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	700.000.000	8.930.563.833
V. Tài sản dài hạn khác	260		49.384.963.269	57.478.305.819
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	48.673.445.271	56.710.154.278
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		576.077.718	744.365.541
3. Tài sản dài hạn khác	268		135.440.280	23.786.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		696.102.056.247	725.270.419.717

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		524.920.873.103	550.170.916.493
I. Nợ ngắn hạn	310		519.311.210.560	545.368.915.350
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	176.072.775.084	147.984.969.538
2. Phải trả người bán	312		89.039.385.849	112.374.069.982
3. Người mua trả tiền trước	313		133.846.004.205	98.499.745.599
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	14.868.221.084	13.292.777.147
5. Phải trả người lao động	315		7.284.771.143	10.127.656.134
6. Chi phí phải trả	316	V.15	7.461.480.064	6.803.437.016
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		8.045.454.545	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	80.175.989.176	154.951.776.542
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.517.129.410	1.334.483.392
II. Nợ dài hạn	330		5.609.662.543	4.802.001.143
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	5.475.125.800	4.662.140.900
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		134.536.743	139.860.243
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		159.470.724.824	164.329.996.714
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	159.470.724.824	164.329.996.714
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	37.234.865.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.573.493.594	1.573.493.594
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(1.554.267.370)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.281.881.766	2.129.600.320
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.097.161.178	3.000.507.847
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.917.590.156	21.945.796.823
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		11.696.464.927	10.769.506.510
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		696.088.062.854	725.270.419.717

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011

Ngô Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	357.929.870.007	258.111.326.152
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10	VI.1	357.929.870.007	258.111.326.152
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	329.672.560.615	243.710.104.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.257.309.392	14.401.221.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.285.103.981	525.129.518
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.689.566.363	1.161.754.873
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.621.148.296	890.029.148
8. Chi phí bán hàng	24		1.245.286.679	290.453.515
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.837.898.939	7.331.395.251
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.769.661.392	6.142.747.590
11. Thu nhập khác	31		1.925.138.283	2.981.193.501
12. Chi phí khác	32		2.655.841.090	1.726.676.284
13. Lợi nhuận khác	40		(730.702.807)	1.254.517.217
14. Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(19.465.177)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.019.493.408	7.397.264.807
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	1.661.326.595	2.056.480.793
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		168.287.823	(205.251.781)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.189.878.990	5.546.035.795
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		750.554.507	470.005.874
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		4.439.324.483	5.076.029.921
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	448	1.678

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011

Ngô Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MÃ SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		637.066.634.004	389.184.940.967
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(411.117.674.424)	(282.763.550.881)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(43.023.092.490)	(17.377.065.668)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(12.210.588.900)	(5.549.014.675)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.248.355.238)	(1.341.926.460)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		81.933.708.652	65.776.102.641
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(250.072.624.221)	(165.926.055.029)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.328.007.383	(17.996.569.105)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.890.536.830)	(10.190.139.347)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.044.062.650)	(14.321.005.412)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		13.214.641.144	10.954.848.333
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(43.500.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.143.870.174	508.654.155
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.076.088.162)	(13.047.642.271)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		920.000.000	14.626.498.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	1.200.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		188.193.713.167	139.107.892.376
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(159.614.861.550)	(119.852.445.296)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.920.000.000)	(5.345.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.578.851.617	29.736.045.080
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(22.169.229.162)	(1.308.166.296)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.441.647.617	51.934.656.123
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	35.272.418.455	50.626.489.827

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011

Ngô Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010. Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002).

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng chẵn) và vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng chẵn), tổng số cổ phần tương ứng là 10.000.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có tất cả 03 chi nhánh, 03 công ty con, 02 công ty liên doanh và 01 công ty liên kết. Cụ thể bao gồm:

Các Chi nhánh:

- Chi nhánh Miền Nam tại P2006 Lô A, tòa nhà 21 tầng Trung tâm Thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 4, Tòa nhà Me Kong Tower, số 235-237, 239-241 đường Cộng Hòa, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; và
- Chi nhánh Thăng Long tại tầng 3 tòa nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Các Công ty con:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7; và
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng.

Công ty liên doanh

- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic; và
- Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng.

Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Sinh viên Vistco

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 208 người.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình Si lô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng thể mặt bằng, kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; và
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng thể mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp.../.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý năng suất lương được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí thuê Văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	2.322.079.979	20.973.843.916
Tiền gửi ngân hàng	26.950.338.476	27.951.803.701
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	8.516.000.000
Cộng	35.272.418.455	57.441.647.617

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	116.000.000	850.000.000
Cộng	116.000.000	850.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	9.028.610.678	7.933.415.330
- Các cá nhân	7.362.038.613	5.933.415.330
- Phải thu khác	1.666.572.065	2.000.000.000
Cộng	9.028.610.678	7.933.415.330

Công ty cho các cá nhân trong Công ty vay với thời hạn dưới 1 năm. Công ty tính và thu lãi từ các khoản phải thu khác này với lãi suất từ 15% đến 18%/năm.

4. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.551.035.414	1.975.690.379
Công cụ, dụng cụ	173.131.396	119.145.549
Chi phí SXKD dở dang	144.915.690.121	148.187.528.413
Thành phẩm	254.771.544	254.771.544
Hàng hóa	38.475.501.342	17.819.755.273
Cộng	190.370.129.817	168.356.891.158

5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	40.532.421.099	36.542.267.503
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.475.183.000	598.899.500
Cộng	42.007.604.099	37.141.167.003

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 3 nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	532.390.727	43.835.841.940	17.688.281.801	1.785.915.548	819.575.591	64.662.005.607
Mua trong kỳ	77.272.727	3.689.007.433	-	483.531.173	-	4.249.811.333
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(39.451.471)	-	(39.451.471)
Tại ngày 30/06/2011	609.663.454	47.524.849.373	17.688.281.801	2.229.995.250	819.575.591	68.872.365.469
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	40.731.323	15.680.643.912	6.319.315.011	1.097.560.176	488.984.747	23.627.235.169
Khấu hao trong kỳ	19.538.808	2.949.417.025	632.532.831	362.333.407	5.362.122	3.969.184.193
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(27.653.917)	-	(27.653.917)
Tại ngày 30/06/2011	60.270.131	18.630.060.937	6.951.847.842	1.432.239.666	494.346.869	27.568.765.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2011	491.659.404	28.155.198.028	11.368.966.790	688.355.372	330.590.844	41.034.770.438
Tại ngày 30/06/2011	549.393.323	28.894.788.436	10.736.433.959	797.755.584	325.228.722	41.303.600.024

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của công ty với giá trị khoảng 5.003.738.569 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm quản lý năng suất lương VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	420.000.000	88.537.085	10.000.000	518.537.085
Mua trong kỳ	-	20.800.000	-	20.800.000
Tại ngày 30/06/2011	420.000.000	109.337.085	10.000.000	539.337.085
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	-	54.878.243	9.999.996	64.878.239
Khấu hao trong kỳ	-	9.543.582	4	9.543.586
Tại ngày 30/06/2011	-	64.421.825	10.000.000	74.421.825
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2011	420.000.000	33.658.842	4	453.658.846
Tại ngày 30/06/2011	420.000.000	44.915.260	-	464.915.260

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
- Dự án thép Bim Sơn	1.144.867.749	1.053.328.513
- Dự án Nhà liền kề 7 Bim Sơn - Thanh Hóa	528.215.270	528.215.270
- Dự án Phục Hưng Tower	18.666.427.607	17.469.368.738
- Dự án Tân Thành (khu 23 ha)	933.581.487	826.861.017
- Dự án Đồi Ngọc Tước (thửa đất 23,4 P8, TP Vũng Tàu)	2.220.042.222	26.307.683.631
- Dự án Nhà máy bóng đèn chiếu sáng VIETVEN - tại Venezuela	502.658.139	502.658.139
- Dự án khai thác mỏ đá tại Hòa Bình	107.927.347	84.427.347
- Dự án đất Long Toàn - Bà Rịa	10.803.548.388	9.785.605.734
- Dự án đất Phước Hưng - Bà Rịa	10.457.601.285	7.559.699.653
- Dự án X3 Mỹ Đình	3.276.557.616	3.206.392.913
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	282.563.637	282.563.637
Cộng	48.923.990.747	67.606.804.592

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. Đầu tư vào công ty con**

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2010	Hoạt động chính
1.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi,...
2.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Thanh Hóa	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực),...
3.	Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Buôn bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng.

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của của công ty này, theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là công ty con của Công ty.

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2009, Công ty đồng ý mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 5 tháng 11 năm 2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền là 30.736.160.000 đồng vào khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh”. Phần còn lại Công ty ghi nhận vào khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” (Thuyết minh số V.12).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết như sau:

Nội dung đầu tư	Giá gốc của khoản đầu tư VND	Lũy kế các khoản điều chỉnh đến đầu kỳ này VND	Các khoản điều chỉnh trong kỳ VND	Số dư tại ngày 30/06/2011 VND
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển nhà Vietel Hancic	30.736.160.000	(114.117.904)	(19.465.177)	30.602.576.919
Góp vốn vào Công ty CP Sinh viên Vistco	11.808.341.611	-	-	11.808.341.611
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000
Cộng	84.544.501.611	(114.117.904)	(19.465.177)	84.410.918.530

11. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung đầu tư	Tại ngày 30/6/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Góp vốn vào Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Sinh viên Vistco	-	-	688.056	8.230.563.833
Cộng		700.000.000		8.930.563.833

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	15.811.840.587	13.027.404.451
Chi phí thuê văn phòng HH2	3.007.951.726	3.042.659.908
Chi phí mua quyền được mua sản phẩm từ dự án của Liên doanh (*)	29.853.652.958	40.640.089.919
Cộng	48.673.445.271	56.710.154.278

(*) Chi phí để có quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Vietel Hancic.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	102.522.267.971	116.735.060.877
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	23.638.459.384	9.017.197.469
- Các khoản vay khác	49.912.047.729	22.232.711.192
Cộng	176.072.775.084	147.984.969.538

- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô gồm các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 36032.2010/HĐTDHM ngày 08 tháng 06 năm 2010 với thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2010. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn này là 112 tỷ và theo Phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn ngày 24 tháng 08 năm 2010 thì hạn mức tăng lên là 123,2 tỷ. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 36032.2011/HĐTDHM ngày 18 tháng 05 năm 2011 với hạn mức dư nợ tối đa là 117 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Hợp đồng số 2530767.2010/HĐTDHM ngày 07 tháng 07 năm 2010, số tiền vay theo hạn mức là 15.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn của hợp đồng đến ngày 31 tháng 08 năm 2011. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thông thường là 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Gốc vay được trả vào cuối thời hạn vay. Đảm bảo tiền vay theo hình thức bảo lãnh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng và Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đông Đô và các khoản khác theo quy định trên hợp đồng vay.

- Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn theo hợp đồng hạn mức số 01/09/HĐ ngày 10 tháng 04 năm 2009 với tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng là ngày 31/03/2010, lãi suất theo từng khế ước vay cụ thể.
- Khoản vay ngắn hạn khác theo các hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết giữa Công ty và các tổ chức, cá nhân khác. Công ty sử dụng quyền đòi nợ từ hợp đồng thi công công trình số 12/2010/VH ngày 10 tháng 05 năm 2010 giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic để thế chấp cho các khoản vay các tổ chức (hợp đồng thế chấp số 13.10.062.642224). Các khoản vay cá nhân khác không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 1% đến 1,5%/tháng trên chi phí đi vay tùy thuộc vào từng hợp đồng vay, lãi suất này không cố định có thể thay đổi căn cứ vào biến động lãi suất của ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo sự thỏa thuận của hai bên.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.249.887.739	5.718.493.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.328.254.578	301.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.881.827.099	7.459.327.540
Thuế thu nhập cá nhân	422.245.061	114.654.655
Cộng	14.882.214.477	13.292.777.147

15. Chi phí phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp	6.856.934.609	6.803.437.016
Trích trước chi phí khuyến mại	604.545.455	-
Cộng	7.461.480.064	6.803.437.016

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	800.555.129	625.914.500
Bảo hiểm xã hội	492.653.186	41.487.107
Bảo hiểm y tế	4.186.436	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.922.273.017	67.050.158.901
Phải trả phải nộp khác	72.937.410.618	87.221.891.384
Bảo hiểm thất nghiệp	18.910.790	12.324.650
Cộng	80.175.989.176	154.951.776.542

17. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	2.853.855.800	1.460.870.900
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	2.621.270.000	3.201.270.000
Cộng	5.475.125.800	4.662.140.900

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô bao gồm các Hợp đồng tín dụng sau:

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 07.36032.01/HĐTDTH ngày 06 tháng 03 năm 2007 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư văn phòng Công ty tại Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội. Công ty sử dụng giá trị quyền sử dụng diện tích 523m² thuê trong 50 năm tại tầng 3 Tòa nhà HH2 - phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 506.077.400 đồng.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.36032.09/HĐTDTH ngày 28 tháng 12 năm 2009 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu cầu tháp SCM C6018. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 470.793.500 đồng.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01.36032/2011/HĐTDTH ngày 27 tháng 04 năm 2011 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu Cầu rút bê tông. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 1.876.984.900 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo Hợp đồng tín dụng số 161.10.062.667779.TD ngày 12 tháng 10 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/161.10.062.667779.TD ngày 20 tháng 10 năm 2010, với số tiền vay là 3.491.270.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay trả theo qui định tại Phụ lục hợp đồng số 01/161.10.062.667779.TD, chia làm 12 kỳ, bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2010. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và tài sản của Bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay này. Số tiền đến hạn trả trong năm tài chính 2011 là: 1.160.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 3 nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****18. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	30.000.000.000	10.287.502.500	-	-	2.111.342.226	1.391.933.898	5.212.136.805	49.002.915.429
Phát hành cổ phiếu	70.000.000.000	26.947.363.000		(1.554.267.370)	-	-	-	95.393.095.630
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	25.946.694.235	25.946.694.235
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	440.684.085	440.684.085
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.498.243.500)	(4.498.243.500)
Phân phối các quỹ	-	-	1.573.493.594	-	57.658.094	1.608.573.949	(4.915.997.802)	(1.676.272.165)
Chi thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(239.477.000)	(239.477.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(39.400.000)	-	-	(39.400.000)
Tại ngày 01/01/2011	100.000.000.000	37.234.865.500	1.573.493.594	(1.554.267.370)	2.129.600.320	3.000.507.847	21.945.796.823	164.329.996.714
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(634.267.370)		1.554.267.370	-	-	-	920.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	4.439.324.483	4.439.324.483
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	152.281.446	96.653.331	(2.107.508.150)	(1.858.573.373)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.920.000.000)	(7.920.000.000)
Chi thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(440.023.000)	(440.023.000)
Tại ngày 30/06/2011	100.000.000.000	36.600.598.130	1.573.493.594	-	2.281.881.766	3.097.161.178	15.917.590.156	159.470.724.824

Theo nghị quyết số 01.NQ/2011/PH-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, Công ty trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền là 1.665.965.091 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2010. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty trả cổ tức với tỷ lệ 8% lợi nhuận sau thuế năm 2010 (tương ứng 7.920.000.000 đồng) bằng tiền mặt.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	30/06/2011	01/01/2011
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.940.000	9.940.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	100.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.940.000	9.840.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	357.929.870.007	258.111.326.152
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động xây lắp	304.870.050.544	230.507.805.768
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	24.420.845.456	27.603.520.384
Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	28.638.974.007	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	357.929.870.007	258.111.326.152

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	285.848.611.938	219.628.862.488
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ khác	21.284.366.816	24.081.241.953
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	22.539.581.861	-
Cộng	329.672.560.615	243.710.104.441

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.285.103.981	525.129.518
Cộng	1.285.103.981	525.129.518

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lãi tiền vay	8.621.148.296	890.029.148
Chi phí tài chính khác	68.418.067	271.725.725
Cộng	8.689.566.363	1.161.754.873

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
- Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings	1.195.753.502	1.726.324.719
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	192.304.775	114.551.676
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	272.014.553	147.692.427
- Công ty CP Thương mại Phục Hưng	1.253.765	67.911.971
Cộng	1.661.326.595	2.056.480.793

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.439.324.483	5.076.029.921
Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu kỳ	9.900.000	3.000.000
Số cổ phần phổ thông lưu hành cuối kỳ	10.000.000	7.492.986
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.900.546	3.024.961
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	448	1.678

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày	Từ ngày
			1/1/2011 đến	1/1/2010 đến
			ngày 30/6/2011	ngày 30/6/2010
			VND	VND
Hội đồng quản trị			634.000.000	60.000.000
Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	156.000.000	12.000.000
Cao Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	12.000.000
Trịnh Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	81.000.000	12.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	121.000.000	12.000.000
Lưu Văn Lạc	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	66.000.000	12.000.000
Trần Huy Tường	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	15.000.000	-
Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	15.000.000	-
Ban kiểm soát			174.500.000	39.795.421
Nguyễn Thị Lan	Trưởng BKS	Thù lao BKS	119.500.000	33.795.421
Tào Minh Dương	BKS	Thù lao BKS	6.000.000	-
Nguyễn Thị Thu Thủy	BKS	Thù lao BKS	6.000.000	-
Nguyễn Văn Duy	BKS	Thù lao BKS	21.500.000	3.000.000
Nguyễn Lan Hương	BKS	Thù lao BKS	21.500.000	3.000.000
Ban Giám đốc			713.200.000	455.287.166
Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	Tiền lương	254.400.000	139.039.333
Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	129.000.000	91.656.000
Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	137.200.000	88.007.833
Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	63.600.000	44.928.000
Trần Hồng Phúc	Giám đốc Tài chính	Tiền lương	129.000.000	91.656.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 01/NQ/PH-HĐQT ngày 28 tháng 04 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc trả một phần cổ tức năm 2010 là 10%/cổ phiếu. Ngày giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10% vào ngày 13 tháng 7 năm 2011. Thời gian chốt danh sách các cổ đông để chi trả cổ tức là ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 110 tỷ đồng.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được soát xét.

Cao Tùng Lâm**Tổng Giám đốc***Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011*

Ngô Minh Nguyệt**Kế toán trưởng**